

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bổ sung hóa chất xét nghiệm và vật tư năm 2024 (lần 1)
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 09 tháng.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 06/5/2024
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hóa chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga Số điện thoại: 028 3952 5876

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B03-059-nhnga) (3).



BM: CVDT.01(1)

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG KHOA DƯỢC



Đặng Nguyễn Đoàn Trang

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số...../BVĐHYD-KD, ngày.....tháng 04 năm 2024)

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch làm sạch máy xét nghiệm miễn dịch tự động hỗ trợ chẩn đoán và tầm soát ung thư gan	Dùng làm sạch máy xét nghiệm miễn dịch tự động hỗ trợ chẩn đoán và tầm soát ung thư gan - Thành phần: Tối thiểu gồm: dung dịch kiềm có độ pH bằng 11 hoặc cao hơn - Đóng gói: ≤ 300 mL/ Hộp	mL	2.000
2	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3)	AFP-L3 là xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang xác định tỷ số giữa AFP-L3% và AFP trong huyết thanh người về mặt định lượng, hỗ trợ chẩn đoán khối u gan ác tính. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kit thử AFP-L3: Kháng thể kháng AFP ở người, Kháng thể kháng AFP ở người được đánh dấu bằng thuốc nhuộm huỳnh quang, Dung dịch thuốc nhuộm huỳnh quang Khoảng đo được: AFP-L3: ≤ 0,3 ng/mL đến ≥ 2000 ng/mL. - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	2.000
3	Chất chuẩn máy cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3 Calibrator)	AFP-L3 Calibrator dùng chạy chuẩn AFP, AFP-L3 về mặt định lượng trong huyết thanh người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: AFP-L3 Calibrator 1 AFP-L3 Calibrator 2 - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24
4	Chất kiểm chuẩn mức cao cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3 Control H)	Dùng để kiểm chuẩn mức cao cho AFP, AFP-L3% - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24
5	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (AFP-L3 Control L)	Dùng để kiểm chuẩn mức thấp cho test AFP, AFP-L3% - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24
6	Hóa chất định lượng chẩn đoán khối u gan ác tính (PIVKA II)	PIVKA II là một xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang Tái lập: CV ≤ 15%. Khoảng đo: ≤ 5 đến ≥ 100.000 mAU/mL- Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	2.000
7	Chất chuẩn máy cho xét nghiệm chẩn đoán khối u gan ác tính (PIVKA II Calibrator)	Dùng chạy chuẩn PIVKA II về mặt định lượng trong huyết thanh người. - Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất chuẩn PIVKA II Calibrator 1 - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24
8	Chất kiểm chuẩn mức cao cho PIVKA II	Dùng kiểm chuẩn mức cao cho PIVKA II về mặt định lượng - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24
9	Chất kiểm chuẩn mức thấp cho PIVKA II	Dùng kiểm chuẩn mức thấp cho PIVKA II về mặt định lượng - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	mL	24

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Khay thử định lượng AFP-L3, PIVKA II	Vật tư tiêu hao dùng để đo 3 test AFP, AFP-L3 và PIVKA II - Thành phần: tối thiểu gồm Chip Cassette	Khay	3.200
11	Kit xét nghiệm sàng lọc và định danh đồng thời 23 loại kháng thể kháng nhân và kháng tế bào chất bằng thanh sắc ký miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm 23 kháng thể kháng nhân. - Thành phần: Tối thiểu xác định được các thành phần: nucleosomes, dsDNA, histones, SS-A, Ro- 52, SS-B, nRNP/Sm, Sm, Mi-2 alpha, Mi-2 beta, Ku, CENP A, CENP B, Sp100, PML, Scl-70, PM- Scl100, PM-Scl75, RP11, RP155, gp210, PCNA, DFS70 bằng thanh sắc ký miễn dịch. - Đóng gói: ≤ 30 test/ Hộp	Test	1.136
12	Hóa chất sàng lọc kháng thể kháng nhân ANA bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp	Hóa chất sàng lọc kháng thể kháng nhân bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, Chứng dương, Chứng âm. Độ nhạy: ≥ 91%, độ đặc hiệu ≥ 87% - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	1.800
13	Khay ủ đồng nhất hóa chất cần cho xét nghiệm sàng lọc kháng thể kháng nhân ANA bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp	Khay ủ đồng nhất hóa chất phục vụ cho kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp.	Khay	2
14	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp bệnh gan tự miễn	Hóa chất xét nghiệm bệnh gan tự miễn bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể người gắn huỳnh quang, Chứng dương, Chứng âm, Muối PBS pH ≤ 7,2- Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	800
15	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (cANCA/ pANCA)	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (pANCA/cANCA) bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	250
16	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (cANCA/ pANCA) và phát hiện kháng thể kháng MPO/ PR3	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu đa nhân trung tính ANCA (pANCA/cANCA) và kháng thể kháng MPO/ PR3 bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300
17	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng phospholipase A2 receptor (PLA2R) và Thrombospondin type-1 domain-	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể kháng phospholipase A2 receptor (PLA2R) và Thrombospondin type-1 domain-containing protein 7A (THSD7A) bệnh viêm màng thận nguyên phát - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	containing protein 7A (THSD7A) bệnh viêm màng thận nguyên phát			
18	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp chẩn đoán bệnh viêm da bọng nước tự miễn pemphigus/ pemphigoid	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp chẩn đoán bệnh viêm da bọng nước tự miễn pemphigus/ pemphigoid - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300
19	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bọng nước tự miễn pemphigus	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bọng nước tự miễn pemphigus- Thành phần gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm- Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300
20	Hóa chất xét nghiệm IIFT miễn dịch huỳnh quang gián tiếp kháng thể tự miễn thần kinh glutamate receptor (type NMDA)	Kit xét nghiệm kháng thể tự miễn thần kinh IgG (glutamate receptor type NMDA) bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang gián tiếp - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: kháng thể người gắn nhãn huỳnh quang, chứng dương, chứng âm. Thực hiện trên mẫu bệnh phẩm là serum, plasma, dịch não tủy. Thời gian thực hiện: 60 phút, nhiệt độ phòng - Đóng gói: ≤ 100 test/ Hộp	Test	300
21	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- A	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- A - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100
22	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- B	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 1 loại HLA- B - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100
23	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 2 loại HLA- DRB1	Bộ hóa chất xét nghiệm hòa hợp tổ chức mô ghép, phát hiện HLA lớp 2 loại HLA- DRB1 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100
24	Bộ sinh phẩm định danh HLA loại SSO Class II DQA1/DQB1 typing test	Bộ sinh phẩm định danh HLA loại SSO Class II DQA1/DQB1 typing test - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: LABType Bead Mix, Locus Specific Primer Set, Primer Set D-Mix - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100
25	PE liên hợp Streptavidin	PE liên hợp Streptavidin hoặc tương đương- Thành phần: Tối thiểu gồm: R-Phycoerythrin liên kết Streptavidin - Đóng gói: ≤ 4 mL/ Hộp	mL	1

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Dung dịch bảo dưỡng máy	Dung dịch bảo dưỡng máy, thiết kế để vận chuyển môi trường hoạt động máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 30 lít/ Thùng	Lít	80
27	Hóa chất chuẩn hóa hệ thống	Hóa chất chuẩn hóa hệ thống máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	25
28	Calibrator cho hệ thống	Calibrator cho hệ thống máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	25
29	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I và II	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I và II - Đóng gói: ≤ 200 test/ Hộp	Test	100
30	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class I - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	150
31	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class II	Xét nghiệm kháng thể kháng HLA Class II - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	150
32	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 1 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 1 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50
33	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 2 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn, phát hiện đồng thời DRB1/ DRB3,4,5/DQB1	Sinh phẩm xét nghiệm kháng thể kháng HLA lớp 2 bằng sinh phẩm gắn kháng nguyên đơn, phát hiện đồng thời DRB1/ DRB3,4,5/DQB1 - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50
34	Hóa chất dùng trong xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu	Hóa chất dùng trong xét nghiệm kháng thể kháng bạch cầu- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PE-Conjugated Goat Anti-Human IgG- Đóng gói: ≤ 1500 test/ Hộp	Test	1.000
35	Dung dịch kiểm chuẩn ADA Control mức 1 và 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2, có nồng độ khác nhau - Thành phần: bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với nước)	mL	10
36	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgG. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgG - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgG Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	mL	5
37	Bộ ống lấy mẫu cho xét nghiệm QuantiFERON-TB Gold Plus	Ống đựng mẫu dùng cho xét nghiệm lao QuantiFERON-TB Gold Plus Blood - Hộp 50 bộ ống, mỗi bộ gồm 4 loại ống (tổng cộng 200 ống/hộp): Nil, TB1, TB2, Mitogen - Độ nhạy xét nghiệm >95% - Xét nghiệm lao theo nguyên lý IGRA - Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương	Ống	800
38	Thuốc nhuộm tế bào Hematoxyline Harri	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin - Thành phần: Nước (60-70%), Ethylene glycol (20-25%), Aluminum sulfate dodecahydrate (1-5%), Acetic acid (1-3%), Hematoxylin, Sodium	mL	2.200

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		iodate - Không có ái lực đối với nhuộm mucin - Lam nhuộm sắc nét, nhiễm sắc thể vùng nhân được phân định rõ ràng		
39	Thẻ thông minh xét nghiệm máu lắng	Thẻ thông minh xét nghiệm máu lắng. - Công dụng: cung cấp số lượng xét nghiệm trên máy xét nghiệm máu lắng tự động. - Thành phần: thẻ thông minh	Test	32.400
40	Bộ hóa chất thử khí máu, ion đồ, glucose và lactate tích hợp nội kiểm kèm bộ chuẩn CVP có tính năng quản lý chất lượng thông minh iQM	Bộ kit xét nghiệm khí máu, điện giải, chuyển hóa, xét nghiệm các thông số: pH, pO ₂ , pCO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate có tích hợp quản lý chất lượng IQM Thành phần: tối thiểu gồm- Bộ kit bao gồm dung dịch chuẩn, tất cả điện cực đo, kim hút, dây bơm, túi chứa thải tích hợp trong một khối- Khoảng đo: pH 6,80 đến 7,80 ±0,01; pCO ₂ : 5-115±0,05 mmHg; pO ₂ : từ 0 đến ≥760 mmHg; Na ⁺ : 100-200 ±0,05 mmol/L; K ⁺ : 0,1-20,0 ±0,02 mmol/L; Ca ⁺⁺ : 0,10-5,00 ±0,02 mmol/L; Glu: 5-500 ±0,02 mg/dL; Lac: 0,2-15,0 ±0,02 mmol/L; Hct: 15-65 ±0,05 % Đóng gói: ≤ 400 test/ Hộp	Test	39.600
41	Nội kiểm xét nghiệm máu lắng	Bộ nội kiểm xét nghiệm máu lắng. - Dùng để nội kiểm máy xét nghiệm máu lắng - Gồm 2 ngưỡng giá trị bình thường và cao. - Thành phần gồm hồng cầu động vật trong dung dịch giống huyết tương. - Bảo quản ở 2-8°C không mở nắp bên đến khi hết hạn dùng. - Sử dụng trên máy không cần mở nắp. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ Hộp	mL	32
42	Hóa chất định lượng HSV virus	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện virus Herpes I và II - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần, dịch não tủy, mô, dịch tuyến tiền liệt, tinh dịch, mẫu phết sinh dục - Thông số kỹ thuật: + Độ nhạy ≥ 500 GE/ml - Thành phần cung cấp (≥100 test/ bộ): + PCR-mix-1-FRT: 1 x 1.2 ml + PCR-mix-2: 2 x 0.3 ml + TaqF Polymerase: 2 x 0.03 ml + Pos C+: 1 x 0.2 ml + Negative Control C-: 1 x 1.2 ml + Internal Control IC: 1 x 1.0 ml + DNA-buffer: 1 x 0.5 ml	Test	100
43	Hóa chất định lượng Chlamydia trachomatis (CT) và Neisseria gonorrhoeae (NG) (CT/NG PCR)	- Bộ xét nghiệm IVD phát hiện đồng thời DNA của Chlamydia trachomatis, Neisseria gonorrhoeae và Trichomonas vaginalis bằng kỹ thuật Real-time PCR.- Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: Mẫu phết; cặn nước tiểu; dịch tuyến tiền liệt.- Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≥500 copies/ml + Độ đặc hiệu: Không có đáp ứng không đặc hiệu trong quá trình kiểm tra + Phát hiện riêng biệt: T. vaginalis - kênh FAM, N.gonorrhoeae - kênh HEX, C.trachomatis - kênh ROX. Gen mục tiêu: T.vaginalis- DNA repeats for PCR identification; N.gonorrhoeae- 16s rRNA gene; C.trachomatis- cryptic plasmid.- Thành phần cung cấp: + Bộ kit chính: T.vag/N.gon./C.trachomatis, PCR-mix-2-FRT,	Test	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		TaqF Polymerase, Positive control complex (C+), Negative Control C-, Internal Control-FL IC, DNA-buffer.		
44	Kit định lượng virus viêm gan siêu vi C	- Bộ xét nghiệm định lượng RNA Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: huyết tương. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≤ 13 IU/ml, độ đặc hiệu: 100%; + Khoảng tuyến tính: $13 - 10^8$ IU/ml, được xác định dựa theo mẫu chuẩn "4th WHO International Standard for Hepatitis C Virus" + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn. + Thuốc thử đóng gói dạng đông khô trừ chứng âm. + Chứng nội IC được tách cùng với mẫu giúp kiểm soát chất lượng mẫu đầu vào và nguy cơ ức chế pcr + Đường chuẩn được xây dựng từ CAL1 & CAL2 - Thành phần cung cấp: + Thuốc thử RT-PCR, chứng nội, chứng âm, CAL 1, CAL 2, chứng dương	Test	960
45	Hóa chất chẩn đoán nhóm vi khuẩn đa kháng bằng kỹ thuật PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định tính gen kháng thuốc metallo-β-lactamases (MBL) loại VIM, IMP, NDM ở họ vi khuẩn Enterobacteriaceae và vi khuẩn gram âm không lên men (NFGNB) bằng kỹ thuật Real-time PCR- Nguồn mẫu: mẫu phết, cấy máu, cấy vi khuẩn, nước tiểu- Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: 500 copies/ml + Phát hiện riêng biệt: MBL VIM, MBL IMP, MBL NDM.- Thành phần cung cấp: + Bộ kit chính: PCR-mix-1, PCR-mix-2, Hot Start TaqF Polymerase, DNA-buffer, chứng dương C+, chứng âm C-, chứng nội IC.	Test	100
46	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu máy tách tế bào máu tự động, túi đôi	Đặc tính, công dụng: là bộ kit thu nhận tiểu cầu túi đôi (thu 2 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương, phù hợp với máy tách tế bào máu tự động. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ kit có gắn sẵn các đường dây, các túi thu tiểu cầu, túi thu huyết tương, túi thu hồng cầu, kênh ly tâm. Kín, vô trùng, có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông. Có filter lọc ≤ 200 microns trên đường trả máu về. Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về. Có túi khí để chứa khí sau khi mỗi bẫy khí. Quá trình mỗi không cần dịch, mỗi khí hoàn toàn tự động. Bộ kit có hệ thống giảm thiểu bạch cầu LRS. Bộ kit chỉ dùng 1 kim. Thể tích ngoài tuần hoàn ≤ 200 ml. Có 01 túi chất chống đông ACDA dung tích ≥ 750ml	Bộ	216
47	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu máy tách tế bào máu tự động, túi đơn	Đặc tính, công dụng: là bộ kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương, phù hợp với máy tách tế bào máu tự động. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ kit có gắn sẵn các đường dây, các túi thu tiểu cầu, túi thu huyết tương, túi thu hồng cầu, kênh ly tâm. Kín, vô trùng, có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông. Có filter lọc ≤ 200 microns trên đường trả máu về. Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về. Có túi khí để chứa khí sau khi mỗi bẫy khí. Quá trình mỗi không cần dịch,	Bộ	172

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		mỗi khí hoàn toàn tự động. Bộ kit có hệ thống giảm thiểu bạch cầu LRS. Bộ kit chỉ dùng 1 kim. Thể tích ngoài tuần hoàn ≤ 200 ml. Có 01 túi chất chống đông ACDA dung tích ≥ 750 ml.		
48	Nội kiểm miễn dịch mức 1	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 1	mL	960
49	Nội kiểm miễn dịch mức 2	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 2	mL	960
50	Nội kiểm miễn dịch mức 3	Nội kiểm miễn dịch gồm 51 thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 3	mL	960
51	Hóa chất Xét nghiệm Gene di truyền HLA B27 liên quan viêm dính cột sống	- Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện đa hình HLA-B27 ở người - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: máu toàn phần thu trong ống EDTA - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy phân tích: 100% (94.1-100%) , độ đặc hiệu phân tích: 100% (95.9-100%) + Độ nhạy chẩn đoán: 100% (92.9-100%), độ đặc hiệu chẩn đoán: 89% (81.2-94.4%) + Có chứa chứng nội sinh IC (gen beta-globin) +Phân tích kết quả dựa trên tính toán giá trị ΔCt ($Ct_{Fam} - Ct_{Hex/Cy3}$)	Test	864
52	Nội kiểm nước tiểu sử dụng cho máy đo bán định lượng các chất trong nước tiểu	- Sản phẩm được sử dụng như vật liệu kiểm soát cho máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu tự động hoàn toàn, công suất ≥ 270 xét nghiệm/ giờ . - Bao gồm CONTROL-L và CONTROL-H. - Thông số phân tích: Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine CRE), Albumin (ALB), Tỉ trọng (SG) Thành phần: Nước tiểu người, Khối lượng phản ứng: 5-Chloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-2H-isothiazol-3-one (3: 1) $<0.01\%$; Acetone $<5\%$	mL	270
53	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu đơn có bù dịch tự động, có gắn sẵn các đường dây, có filter lọc trên đường dây chống đông 0.2 micron, túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu), 1 túi chống đông ACDA 750ml.	- Kit được sử dụng với ứng dụng thu nhận tiểu cầu tự bù dịch; - Kim kích cỡ 17G; Túi chứa tiểu cầu bằng nhựa có dung tích ≥ 1000 ml; Túi chứa bằng nhựa có dung tích ≥ 1000 ml; Túi chứa bằng nhựa có dung tích ≥ 600 ml; Bộ lọc kháng khuẩn với kích thước lỗ lọc $\geq 0,2$ micron; kèm túi chống đông ACDA ≥ 500 ml; - Khối tiểu cầu sau khi đưa vào túi chứa được bảo quản tối đa ≥ 5 ngày ở nhiệt độ 20 đến 24 độ C;	Bộ	50
54	Thùng đựng cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao	-Tên mô tả hàng hóa: Thùng đựng cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao quản (Khay thải) -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Thùng đựng	Cái	20

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	quần	cốc thuốc thử đã sử dụng cho các thiết bị điện di mao quản đa đầu di		
55	Lam kính đầu nhám 25,4x76,2mm	Lam kính đầu nhám - Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: 25.4 x 76.2 (+/- 2) mm	Miếng	106.560
56	Típ lọc (Filter Pipet Tip) 1-200 ul	Đầu tip 200µl có lọc, tiết trùng, giúp ngăn chặn hoàn toàn khí dung. Tinh sạch với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen, nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bioburden. Màu: Trắng trong tự nhiên	Cái	32.640
57	Môi trường thao tác và rửa tinh trùng	Hệ đệm HEPESTiết trùng Ph.Eur.2.6.1/USP <71>: không khuẩn lạc phát triển- Thử nghiệm MEA tested sau 96 giờ $\geq 80\%$ - Thử nghiệm sống sốt tinh trùng HSSA sau 24h $\geq 80\%$ - Nội độc tố <0.25 EU/ml- pH: 7.30 - 7.60- Áp suất thẩm thấu 270 - 290 mOsm/kg- Human serum albumin: 3.2 - 4.8g/l- CE Marked- Thời gian sử dụng 18 tháng.	Kit	14
58	Môi trường lọc tinh trùng (bằng phương pháp thang nồng độ)	Hệ đệm HEPES - Thành phần: Silane-coated Silica - Độ đậm đặc: 1.0500 - 1.0700g/ml (lớp trên) và 1.1050 - 1.1150 g/ml (lớp dưới) - Có bổ sung 0.4-2.2g/l human serum albumin - Tiết trùng Ph.Eur.2.6.1/USP <71>: không khuẩn lạc phát triển - Tiết trùng SAL 10-3 - Thử nghiệm sống sốt tinh trùng HSSA, sau 4h $\geq$ 80%, sau 24h $\geq 75\%$ - Nội độc tố <0.25 EU/ml - pH: 7.30 - 7.60 - Áp suất thẩm thấu: lớp lọc trên 280- 310mOsm/kg, lớp lọc dưới 290-330mOsm/kg - CE Marked và FDA - Thời gian sử dụng 18 tháng.	Kit	31
59	Môi trường đông tinh trùng	Hệ đệm HEPES - Tiết trùng Ph.Eur.2.6.1/USP <71>: không khuẩn lạc phát triển - Thử nghiệm sống sốt tinh trùng HSSA sau 4h $\geq$ 80% - Nội độc tố <0.25 EU/ml - pH: 7.20 - 7.60 - Human serum albumin: 3.2 - 4.8g/l - CE Marked, FDA - Thời gian sử dụng 18 tháng.	Kit	3
60	NaHCO ₃ tinh thể	Trọng lượng phân tử: 84.01 g/mol Độ tan: 96 g/l pH: 8.6 (50 g/l, H ₂ O, 20 °C)	Chai	2
61	Dung dịch Hematoxylin	1. Dung dịch hematoxylin Harris cho nhuộm tế bào học. 2. Tính chất: thuốc thử dùng cho chẩn đoán và phân tích tế bào học. 3. Thành phần gồm: ethylene glycol (nồng độ ≥ 1 - < 10%), ethanol (nồng độ ≥ 1 - < 10 %), aluminium sulfate (nồng độ ≥ 3 - < 10%). 4. Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học cơ bản: a) Trạng thái vật lý: Dạng lỏng b) Màu sắc: Đỏ tía c) Mùi: Không mùi d) Điểm nóng chảy/điểm đóng băng: Không có dữ liệu e) Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi: Khoảng 100 °C ở áp suất 1.013 hPa f) Độ pH: 2,5 - 3,0 ở 20 °Cg) Khả năng hòa tan trong nước ở 20 °C:	Chai	4

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Hòa tan được) Tỉ trọng: 1,04 g/cm ³ ở 20 °C ₅ . Tính an toàn: hóa chất này tuân thủ theo quy định về an toàn vật liệu trong Quy định (EC)		
62	Dung dịch nhuộm tinh đồ EOSIN- NIGROSIN (10ml)	Eosin Y (C.I. 45380) · Nigrosin (C.I. 50420) · Sodium Chloride	Kit	18
63	Cồn tuyệt đối (Ethanol 95%)	Ethanol 95%	Chai	2
64	Kit đánh giá sự phân mảnh ADN của tinh trùng	- Phương pháp SCD - Đánh giá kết quả trên kính hiển vi nền sáng. - Độ nhạy 87.9%, độ chuyên biệt = 90.8%, độ chính xác 89.8%, 82.9% PPV, NPV 93.7%. Ngưỡng là 22%. - Tổng thời gian xử lý 1 mẫu = 40 phút - Có chứng nhận FDA - Nhiệt độ thao tác 15-37 độ C - Nhiệt độ lưu trữ: 2 - 7 độ C - Sau khi mở nắp sử dụng trong 3 tháng. - Thời gian lưu trữ: 18 tháng.	Kit	15
65	Nội kiểm âm cho xét nghiệm sàng lọc kháng thể kháng nhân ANA bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp	Hóa chất Nội kiểm âm (negative control) cho xét nghiệm kháng thể kháng nhân bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Đóng gói: ≤ 1 mL/ Hộp	Lọ	1
66	Nội kiểm dương sàng lọc kháng thể kháng nhân ANA bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp	Hóa chất nội kiểm dương (positive control) cho xét nghiệm kháng thể kháng nhân bằng kỹ thuật huỳnh quang gián tiếp- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Đóng gói: ≤ 1 mL/ Hộp	Lọ	1
67	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	120
68	Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA	Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Test	50
69	Dung dịch PBS/ Citrate (1X) sử dụng sau khi tách chiết	Dung dịch PBS/ Citrate (1X) sử dụng sau khi tách chiết - Thành phần: Tối thiểu gồm PBS/Citrate (1X) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, IVD. Đóng gói: ≤ 2000 mL/ Hộp	mL	500
70	Dung dịch kiểm chuẩn (Calibrator) AFP và CEA	Dung dịch kiểm chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ khác nhau - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi hiệu chuẩn các xét nghiệm sau đây: AFP và CEA - Thành phần: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ thấp hoặc cao AFP, CEA trong dung dịch đệm BSA có sodium azide và chất bảo quản - Đóng gói: ≤ 40 mL/ Hộp	mL	48
71	Chai dung dịch nhuộm vi sinh	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. - Thành phần: Giemsa (≥0,5%) Đóng gói: ≤ 200 mL/ Hộp	mL	100
72	Dụng cụ cấy mẫu- cán cấy	Dụng cụ cấy mẫu- cán cấy - Chất liệu kim loại, tay cầm nhựa PP cách nhiệt	Cái	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Hình dạng : Hình trụ - Đường kính cán : $\geq 6\text{mm}$ - Chiều dài : $\geq 198\text{ mm}$		
73	Dụng cụ cấy mẫu - vòng cấy thường cứng	Dụng cụ cấy mẫu - vòng cấy thường cứng - Chất liệu : Kim loại - Hình dạng : Vòng khuyên - Đường kính trong vòng cấy : $\geq 4\text{mm}$ - Đường kính ngoài vòng cấy : $\geq 5\text{ mm}$ - Chiều dài : $\geq 85\text{ mm}$	Cái	2
74	Glucose tinh thể	Glucose tinh thể pha để uống, dạng bột mịn, màu trắng ngà, tinh khiết, thực hiện nghiệm pháp tăng đường máu sau ăn	Kg	70
75	Dung dịch Ethanol dùng chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Dung dịch dùng trong bước chiết tách mẫu dùng trên máy RT-PCR tự động nhằm tách các axit nucleic từ mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm RT-PCR. Đóng gói: $\leq 2\text{L/ Hộp}$	mL	2.925
76	Hóa chất xét nghiệm Human Anti Smooth muscle antibody phương pháp ELISA	Thành phần: .Tối thiểu gồm các thành phần: + khay 96 giếng, Positive Control, Negative Control + HRP Conjugate Reagent, TMB substrate Đóng gói: $\leq 200\text{ test/ hộp}$	Test	288
77	Dung dịch nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức thấp	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức thấp, dạng hộp nhỏ - Thành phần: dịch, huyết thanh người. Tối thiểu gồm các thành phần: - Có bốn mức nồng độ Troponin, với mức giá trị đích thấp hơn với tất cả các phân tích. Theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP. Có giá trị tham chiếu cho hs-CRP. Đóng gói: $\leq 30\text{ mL/ hộp}$	mL	6
78	Dung dịch nội kiểm huyết học mức thấp	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học. mức thấp. - Thành phần: tế bào máu - Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số, có ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị tham chiếu cho hầu hết các thiết bị. Đóng gói: $\leq 20\text{ mL/ hộp}$	mL	54
79	Dung dịch nội kiểm huyết học mức bình thường	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học. mức bình thường. - Thành phần: tế bào máu - Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị tham chiếu cho hầu hết các thiết bị từ 2 đến 16 thông số. . Đóng gói: $\leq 20\text{ mL/ hộp}$	mL	54
80	Dung dịch nội kiểm huyết học mức cao	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm huyết học. mức cao.- Thành phần: tế bào máu- Có thể sử dụng trên hầu hết máy phân tích huyết học (lên tới ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu). Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động. Có giá trị	mL	54

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		tham chiếu cho hầu hết các thiết bị từ 2 đến 16 thông số. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp		
81	Dung dịch nội kiểm Microalbumin mức 2	Dung dịch nội kiểm cho xét nghiệm Microalbumin, mức 2 - Thành phần: dịch, nước tiểu người - Dùng cho xét nghiệm Albumin để phát hiện giai đoạn sớm của bệnh thận . Có giá trị tham chiếu cho các máy xét nghiệm phổ biến. Đóng gói: ≤ 200 mL/ hộp	mL	120
82	Hóa chất PCR phát hiện các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục CT/NG/MG/TV	Bộ kit phát hiện các tác nhân lây nhiễm qua đường tình dục - Kit phát hiện Adenovirus Chlamydia trachomatis (CT); Neisseria gonorrhoeae (NG); Mycoplasma genitalium (MG); Trichomonas vaginalis (TV), và chứng nội trong cùng một phản ứng. Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	700
83	Hóa chất PCR phát hiện đồng thời lao và lao kháng thuốc	Bộ kit phát hiện đồng thời vi khuẩn lao và lao kháng thuốc - Kit phát hiện Mycobacterium tuberculosis (MTB) với giá trị Ct và xác định đồng thời 7 đột biến kháng thuốc Isoniazid và 18 đột biến kháng thuốc Rifampicin Đóng gói: ≤ 200 test/ hộp	Test	400
84	Hóa chất kiểm tra chất lượng protein đặc biệt	Hóa chất kiểm tra chất lượng protein đặc biệt-Là huyết thanh chứng ở dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người. Nồng độ của các thành phần mẫu chứng của Precipath Protein thường ở ngưỡng bệnh lý, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng.- Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học, kiểm chuẩn các xét nghiệm: Ferritin, CRP người và ASLO cừu.	mL	6
85	Hóa chất xét nghiệm Parvovirus B19 từ mẫu lâm sàng	Hóa chất phát hiện hoặc đo tải lượng Parvovirus B19 bằng phương pháp Real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PCR-mix, Polymerase (TaqF), DNA-buffer, chứng dương (C+), chứng nội (IC) và mẫu chuẩn (Standards) QS - Gene mục tiêu: gene của Parvovirus B19 - Độ nhạy: ≤ 200 copies/ml - Mẫu đầu vào: DNA tách chiết từ huyết tương, dịch ối, mẫu đờm, mẫu phết - Bảo quản: PCR-mix và Polymerase (TaqF) bảo quản < -20°C;	Test	100
86	Hóa chất xét nghiệm trực khuẩn xanh Pseudomonas aeruginosa trong mẫu đàm và huyết tương	Hóa chất phát hiện và đo tải lượng Pseudomonas aeruginosa trong mẫu huyết tương bằng real-time PCR - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: PCR-mix, Polymerase, TE-buffer, chứng dương C+, chứng nội IC và mẫu chuẩn (Standards) - Độ nhạy: ≤ 500 copies/ ml - Mẫu đầu vào: DNA tách chiết từ mẫu đàm, mẫu phết hầu họng, dịch rửa phế quản, mẫu phết và mẫu huyết tương - Có khả năng phát hiện Pseudomonas aeruginosa trong mẫu môi trường (nước, dịch rửa từ các vật thể môi trường, phế liệu sinh học, đất)	Test	100
87	T.vaginalis/N.	Bộ xét nghiệm IVD định tính Chlamydia	Test	300

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	gonorrhoeae/C. Trachomatis Real- TM	trachomatis, Neisseria gonorrhoeae và Trichomonas vaginali bằng kỹ thuật Real-time PCR- Nguồn mẫu: Mẫu phết cổ tử cung, niệu đạo, trực tràng, màng kết, miệng; nước tiểu; dịch tuyến tiền liệt; tinh dịch.- Độ nhạy: ≤ 500		
88	Bộ hóa chất thu nhận tiểu cầu có bù dịch tự động, có gắn sẵn các đường dây, có filter lọc trên đường dây chống đông 0.2 micron, túi đôi (thu 2 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu), 1 túi chống đông ACDA 750ml.	- Kít được sử dụng với ứng dụng thu nhận tiểu cầu tự bù dịch; - Gồm: Kim kích cỡ 17G; Túi chứa tiểu cầu bằng nhựa có dung tích $\geq 1000\text{ml}$; Túi chứa bằng nhựa có dung tích $\geq 1000\text{ml}$; Túi chứa bằng nhựa có dung tích $\geq 600\text{ml}$; Bộ lọc kháng khuẩn với kích thước lỗ lọc $\geq 0,2$ micron; kèm túi chống đông ACDA $\geq 1000\text{ml}$ - Khối tiểu cầu sau khi đưa vào túi chứa được bảo quản tối đa ≥ 5 ngày ở nhiệt độ 20 đến 24 độ C;	Bộ	100
89	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Mục đích sử dụng: Để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Tối thiểu gồm dung dịch chứa enzym phân giải protein	Lít	25
90	Mẫu kiểm chuẩn âm tính cho xét nghiệm Crossmatch	dùng kiểm chuẩn âm thực hiện cho xét nghiệm Crossmatch	mL	45
91	Mẫu kiểm chuẩn dương tính cho xét nghiệm Crossmatch	dùng kiểm chuẩn dương thực hiện cho xét nghiệm Crossmatch	mL	15
92	Kháng thể IgG gắn chất phát huỳnh quang	Hỗn hợp kháng thể thứ cấp đơn dòng chứa trong dung dịch ổn định sodium azide	mL	20
93	Dung dịch phân tách gradient tỷ trọng	Tối thiểu gồm các thành phần: hỗn hợp dung dịch Ficoll™ PM400 và sodium diatrizoate	mL	6.000
94	Đệm phosphat	Hộp 100 viên nén, mỗi viên chứa thành phần đệm PBS có thể tạo dung dịch đệm PBS pH 7.2-7.6 sau khi hòa tan với ≤ 200 mL nước cất	Viên	200
95	Môi trường tăng trưởng RPMI	Dung dịch vô khuẩn, dùng trong nuôi cấy tế bào, thành phần tối thiểu gồm môi trường RPMI-1640 có sodium bicarbonate, không chứa L-glutamine.	mL	1.000
96	Enzyme thủy phân protein	Enzyme protease nguồn gốc từ Streptomyces griseus, hoạt tính enzyme ≥ 3.5 units/mg	mg	5.000
97	Phiến kính 24x60mm	Phiến kính dùng làm tiêu bản tế bào kích thước 24x60 (+/- 2) mm	Cái	1.500
98	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi Dung dịch dầu, lỏng, nhớt, trong suốt dùng soi kính hiển vi. Chỉ số khúc xạ khoảng 1,5 (gần với thủy tinh), cho hình ảnh thực khi soi.	mL	2.000
99	Hóa chất tách chiết Virus trong mẫu bệnh phẩm (Kèm phụ kiện)	Hóa chất tách chiết Virus trong mẫu bệnh phẩm - Sử dụng cho máy tách chiết tự động hoàn toàn, công nghệ hạt từ để tách chiết và tinh sạch tự động nucleic acids từ mẫu sinh phẩm. Làm sạch axit nucleic từ huyết thanh, huyết tương, hoặc CSF, và axit nucleic của virus và DNA của vi khuẩn có thể	Test	15.764

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		được tinh sạch từ các mẫu hồ hấp như tằm bông, hút dịch, đờm, rửa phế quản (BAL), cũng như nước tiểu và dịch phết niệu đạo (cổ tử cung và niệu đạo). - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Enzyme, Buffer AVE, Buffer AVE, Carrier RNA. - Kèm vật tư tiêu hao để tách acid nucleic - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 250 test/hộp		
100	Dầu soi kính hiển vi	Chỉ số khúc xạ (n₂₀ / D): 1.515 - 1.517 Mật độ (d_{20 ° C / 4 ° C}): 1.0245 - 1.0265 Truyền (380nm; 1 cm): ≥ 65 % Truyền (400nm; 1 cm): ≥ 78 % Truyền (450nm; 1 cm): ≥ 90 % Huỳnh quang (như quinine ở 365nm): ≤ 1500 ppb Độ nhớt (20 ° C): 100 - 120 mPa.s	mL	500
101	Thuốc nhuộm Wright	Tỷ trọng: ≥ 0.80 g/cm³ (20 ° C) Giới hạn nổ 5,5 - 44% (V) Metanol Điểm chớp cháy ≥ 9,7 ° C Metanol Nhiệt độ bốc cháy ≥ 420 ° C Metanol Giá trị pH: 7-8 (H₂O, 20 ° C)	mL	1.500
102	Thuốc nhuộm Giemsa	Tỷ trọng: ≥ 0.80 g/cm³ (20 ° C) Giới hạn nổ 5,5 - 44% (V) Metanol Điểm chớp cháy: ≥ 18 ° C Nhiệt độ đánh lửa: ≥ 450 ° C Giá trị pH: 6.0 - 8.2 (H₂O, 20 ° C)	mL	3.000
103	Viên Buffer pha	Tỷ trọng: ≥ 0.80 g/cm³ (20 ° C) Giới hạn nổ 5,5 - 44% (V) Metanol Điểm chớp cháy: ≥ 18 ° C Nhiệt độ đánh lửa: ≥ 450 ° C Giá trị pH: 6.0 - 8.2 (H₂O, 20 ° C)	viên	100
104	Methanol	Methanol dùng để cố định lam	mL	75.000
105	Dầu soi tiêu bản dùng cho máy phân tích hình thái tế bào tự động	Dầu soi kính trên DI-60	mL	900
106	Hộp hóa chất kiểm chuẩn khí máu 3 mức nồng độ	- Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức, mỗi mức 10 ống, mỗi ống 2ml: + Mức 1: giá trị pH mức thấp, pCO₂ mức cao phù hợp với nhiễm toan hô hấp; giá trị pO₂ mức thấp phù hợp với hoạt động phổi bị suy giảm và giá trị điện giải mức cao (Na⁺, K⁺, Cl⁻, Ca⁺⁺), giá trị Glucose và Lactate + Mức 2: giá trị pH, pCO₂, pO₂, Na⁺, K⁺, Cl⁻, Ca⁺⁺, Glucose và Lactate trong phạm vi tham chiếu đối với các đối tượng bình thường về mặt lâm sàng. + Mức 3: với pH cao, giá trị pCO₂ thấp phù hợp với nhiễm kiềm hô hấp, pO₂ tăng cao phù hợp với liệu pháp oxy và các giá trị điện giải thấp (Na⁺, K⁺, Cl⁻, Ca⁺⁺), Glucose thấp và giá trị Lactate cao. (Hoặc tương đương)	mL	720
107	Chất hiệu chuẩn định lượng xét nghiệm Hemoglobin và Cột sắc ký cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	Một hộp bao gồm: - 01 Hộp trao đổi cation: thực hiện ≥ 10.000 xét nghiệm mỗi hộp Kết quả xét nghiệm không bị ảnh hưởng bởi tối thiểu 4 loại biến thể HbAS, HbAC, HbAD, HbAE, không bị nhiễu bởi HbF lên tới 30%, Labie A1c lên tới 1200 mg/dl	test	50.000
108	Hóa chất làm sạch	Hộp chứa ≥ 1.5 ml chất rửa dạng lỏng.	mL	3

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	Kết quả xét nghiệm không bị ảnh hưởng bởi tối thiểu 4 loại biến thể HbAS, HbAC, HbAD, HbAE, không bị nhiễu bởi HbF lên tới 30%, Labie A1c lên tới 1200 mg/dl		
109	Dung dịch Canxi 0,025M	Dung dịch Canxi Clorua -Đặc tính, công dụng: dùng cho các xét nghiệm đồng máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch lỏng Canxi Clorua	ml	3.600
110	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất xét nghiệm APTT hoạt hóa bằng Kaolin, máy đồng máu tự động-Đặc tính, công dụng: xác định thời gian Kaolin-thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương-Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần:• Thuốc thử 1: cephalin, được chuẩn bị từ mô não thỏ, dạng đông khô. • Thuốc thử 2: dung dịch đệm huyền phù của kaolin	Hộp	132
111	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT -Đặc tính, công dụng: Xác định thời gian prothrombin (PT), trong huyết thanh người được chống đông bằng citrate -Thành phần:Tối thiểu gồm các thành phần: • Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. • Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi.	Hộp	52
112	Hóa chất định lượng α -Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase ; dải đo: ≤ 10 đến ≥ 2000 U/L; phương pháp: CNPG3 - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Calcium acetate; NaCl; - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE. Đóng gói: ≤ 200 mL/hộp	mL	1.600
113	Đĩa xử lý 24 vị trí	Đĩa xử lý mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR	Cái	540
114	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí dùng trong máy sinh học phân tử tự động	Cái	540
115	Đầu côn có lọc, thể tích 300 μ L	Đầu côn có lọc, thể tích 300 μ L dùng trong máy sinh học phân tử tự động	Cái	11.520
116	Hóa chất ly giải sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết: 43% (w/w) guanidine thiocyanate**, 5% (w/v) polydocanol**, 2% (w/v) dithiothreitol, dihydro natri citrate	L	49
117	Hạt thủy tinh từ tính	Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide	Test	4.800
118	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide	L	28
119	Chức âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV bằng phương pháp RT- PCR tự động	mL	192

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
120	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	- Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+))C: 5.2 mL (8 x 0.65 mL) - Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+))C: 5.2 mL (8 x 0.65 mL)	mL	166
121	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử 1000 µL	Đầu côn có màng lọc, thể tích hút 1 mL, RNase-free, DNase-free, Pyrogen-free, sử dụng trong xét nghiệm chẩn đoán y khoa, sử dụng như là phụ kiện cho hệ thống Hamilton -Đầu côn được sử dụng để hút, nhả và trộn. Được sử dụng trong các máy PCR. Không chứa Dnase, Rnase, Pyrogen, DNA người, ATP và chất ức chế PCR Chất liệu: Polypropylene	Cái	42.240
122	Ngăn chứa thuốc thử 50 mL	Ngăn chứa thuốc thử máy sinh học phân tử tự động -Kích thước (l x w x h): 90 x 20 x 65 [mm] Thể tích: 50 [ml] Vật liệu: PP tự nhiên	Cái	800
123	Ngăn chứa thuốc thử 200 mL	Ngăn chứa thuốc thử máy sinh học phân tử tự động -Bình hóa chấ thể tích 200ml. Vật liệu nhựa PP. Có dán mã vạch.	Cái	200
124	Đĩa tách chiết 2.0 mL	Đĩa tách chiết máy sinh học phân tử tự động-Thể tích khoang: 2.0mlVật liệu: PP	Cái	200
125	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HCV. thành phần bao gồm: - 12 ống chứng âm Alinity m HCV Negative CTRL: chứa huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin, - 12 ống chứng dương thấp Alinity m HCV Low Positive CTRL và 12 ống chứng dương cao Alinity m HCV High Positive CTRL: chứa Armored RNA không gây nhiễm với chuỗi HCV trong huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin Tất cả ống đều chứa chất bảo quản: ProClin 300 0,1% và ProClin 950 0,087% Đóng gói >= 31 mL/ Hộp	mL	286
126	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HBV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HBV Thành phần: - Mẫu chứng âm tính: chứa huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin. - Mẫu chứng dương tính: chứa huyết tương đã bất hoạt bằng nhiệt dương tính với DNA của HBV Đóng gói: ≤ 150 mL/ Hộp	mL	88
127	Đầu côn 50µL kèm khay sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Đầu tip có thể tích 50µL chuyên dùng cho máy xét nghiệm PCR tự động. Thành phần: Nhựa Polypropylene - PP , gồm 96 tips lắp trên khay nhựa, chuyên dùng trên hệ thống PCR tự động	Tip	5.760
128	Bộ lấy/vận chuyển mẫu xét nghiệm cổ tử cung xét nghiệm HPV sử dụng trong xét nghiệm PCR	Bộ lấy mẫu dùng một lần chứa các bộ phận sau: • Một ống vận chuyển đã đầy nắp chứa 2,4 mL đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris) • Một bàn chải tế bào cổ tử cung	Bộ	6.000

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	trên hệ PCR tự động			
129	Bộ lấy/vận chuyển mẫu nước tiểu, dịch phết cổ tử cung, âm đạo cho xét nghiệm STI sử dụng trong xét nghiệm PCR trên hệ PCR tự động	Bộ lấy mẫu dùng một lần chứa các bộ phận sau: • Một ống vận chuyển dùng nắp có thể xuyên qua chứa 1,2 mL đệm vận chuyển mẫu (guanidine thiocyanate trong đệm Tris) • Một que swab lấy mẫu vô trùng • Một pipet chuyển loại dùng một lần	Bộ	2.500
130	Hoá chất rửa máy đồng máu	Dung dịch được sử dụng cho Máy đo đồng máu tự động, dùng để làm sạch kim lấy mẫu giữa mỗi lần xét nghiệm để tránh nhiễm bẩn chéo. Hộp gồm 50 lọ 20ml.	mL	3.000
131	Cuvette máy đồng máu tự động	Sử dụng cho Máy đo đồng máu tự động. Hộp gồm 10 túi (≥ 2300 test/túi).	Cuvette	44.080
132	Hoá chất hiệu chuẩn TP (3 mức)	Hóa chất hiệu chuẩn sử dụng trong quá trình xác định Prothrombin Time (% INR). Thành phần: R1- TP-CAL1; R2- TP-CAL2; R3- TP-CAL3 (Huyết tương đông khô, Huyết tương citrate). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	8
133	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đồng máu cơ bản mức 1	Chất nội kiểm trong đồng cầm máu mức 1. Thành phần: R1- CONTROL PLASMA Level 1 (Huyết tương đông khô, huyết tương citrate của con người). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	20
134	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đồng máu cơ bản mức 3	Chất nội kiểm trong đồng cầm máu mức 3. Thành phần: R1- CONTROL PLASMA Level 3 (Huyết tương đông khô, huyết tương citrate của con người). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Hộp	20
135	Cồng đo áp suất thâm thấu	Cồng đo 1.5ml, có nắp, có ngàm gắn khớp với máy đo	Gói	3.000
136	Hóa chất định tính Anti-Hbc	Hóa chất định tính Anti-Hbc - Công dụng/ Đặc tính: Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang "ECLIA" - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Kháng thể đơn dòng kháng Hbc đánh dấu biotin; kháng thể đơn dòng kháng Hbc đánh dấu phức hợp ruthenium *Mẫu chuẩn âm tính 1: Huyết thanh người, chất bảo quản. *Mẫu chuẩn dương tính 2: Kháng thể kháng Hbc (người) trong huyết thanh người; chất bảo quản.	Test	6.000
137	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc	Dung dịch kiểm chuẩn Anti-HBc- Công dụng/ Đặc tính: là chất kiểm chuẩn dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBc - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Mẫu chuẩn control âm tính 1: Huyết thanh người;* Mẫu chuẩn control dương tính 2: Kháng thể kháng HBc (người)	mL	21

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá	Ghi chú ⁽¹⁾

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽²⁾ ngày kể từ ngày báo giá.

¹: Bảng biểu này chỉ có tính chất tham khảo, tùy từng loại hàng hóa cụ thể mà đơn vị có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Đơn vị thực hiện lưu ý thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.

²: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.



BM: CVĐT.03(1)



- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)